

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
TRONG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA ĐHQĐN
KỲ THI NGÀY 31/8/2025

Địa điểm thi: **Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐN (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
1	318001	Lê Nguyễn Phước An	16/12/1997	Thừa Thiên Huế	1 (A101)	ĐHBK
2	318002	Đặng Tiểu Bình	02/07/1982	Quảng Ngãi	1 (A101)	ĐHBK
3	318003	Nguyễn Quang Chí	14/05/1994	Quảng Trị	1 (A101)	ĐHBK
4	318004	Phạm Văn Chung	27/05/1978	Hưng Yên	1 (A101)	ĐHBK
5	318005	Ngô Thành Đạt	08/08/1995	Quảng Trị	1 (A101)	ĐHBK
6	318006	Nguyễn Trung Đức	13/05/1992	Quảng Bình	1 (A101)	ĐHBK
7	318007	Phan Thanh Dũng	02/12/1988	Đà Nẵng	1 (A101)	ĐHBK
8	318008	Trần Ngọc Hùng	28/12/1999	Quảng Nam	1 (A101)	ĐHBK
9	318009	Hồ Trọng Nghĩa	22/10/2022	Quảng Ngãi	1 (A101)	ĐHBK
10	318010	Bùi Vĩnh Phúc	22/10/1997	Đà Nẵng	1 (A101)	ĐHBK
11	318011	Phạm Tấn Tài	02/01/1997	Đắk Lắk	1 (A101)	ĐHBK
12	318012	Võ Duy Thiện	18/04/1992	Đà Nẵng	1 (A101)	ĐHBK
13	318013	Phạm Thanh Việt	31/12/1996	Quảng Nam	1 (A101)	ĐHBK
14	318014	Mai Duy Anh	22/06/1995	Quảng Bình (nay là Quảng Trị)	1 (A101)	ĐHKT
15	318015	Nguyễn Chế Tuấn Anh	21/04/1984	Đà Nẵng	1 (A101)	ĐHKT
16	318016	Y Hương	10/07/1984	Quảng Ngãi (Kon Tum (cũ))	1 (A101)	ĐHKT
17	318017	Trương Quốc Huy	08/10/1998	Quảng Trị	1 (A101)	ĐHKT
18	318018	Phạm Thị Linh	16/04/1997	Hà Tĩnh	1 (A101)	ĐHKT
19	318019	Lê Thị HoàNg Ngọc	01/08/1991	Đà Nẵng	1 (A101)	ĐHKT
20	318020	Phạm Thị Như Nguyên	13/06/1990	Đà Nẵng	1 (A101)	ĐHKT
21	318021	Đặng Lưu Minh Phúc	22/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	1 (A101)	ĐHKT
22	318022	Nguyễn Mậu Tài	02/04/2003	Quảng Trị	1 (A101)	ĐHKT
23	318023	Nguyễn Lê Thanh Thảo	21/10/2002	Quảng Ngãi	1 (A101)	ĐHKT
24	318024	Nguyễn Thanh Thiên	24/09/1981	Quảng Nam	1 (A101)	ĐHKT
25	318025	Nguyễn Hữu Thìn	28/03/2000	Đà Nẵng	1 (A101)	ĐHKT
26	318026	Doan Thị Phuong Thuy	29/11/1992	Quảng Nam	1 (A101)	ĐHKT
27	318027	Nguyễn Thị Thu Trang	10/02/1995	Quảng Nam	1 (A101)	ĐHKT
28	318028	Bùi Thanh Tuấn	26/05/1985	Thanh Hóa	1 (A101)	ĐHKT
29	318029	Hồ Kinh Vỹ	08/04/1994	Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHKT
30	318030	Đoàn Thị Ngọc Yên	04/02/1998	Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHKT
31	318031	Đỗ Nguyễn Cẩm An	05/03/1984	Quảng Nam	2 (A102)	ĐHSP
32	318032	Huỳnh Thị Thu An	27/09/1996	Quảng Nam	2 (A102)	ĐHSP
33	318033	Lê Thị Duy An	27/04/1994	Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHSP
34	318034	Nguyễn Đức An	08/08/1989	Quảng Nam	2 (A102)	ĐHSP
35	318035	Nguyễn Tường An	10/07/2002	Bình Dương	2 (A102)	ĐHSP
36	318036	Phạm Thị An	09/09/1993	Quảng Nam	2 (A102)	ĐHSP
37	318037	Bùi Thị Tuyết Anh	30/07/1992	Hồ Chí Minh	2 (A102)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
38	318038	Đàm Thị Lan	Anh	06/01/1998	Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHSP
39	318039	Đặng Thị Hoàng	Anh	17/08/1992	Quảng Nam - Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHSP
40	318040	Lê Thị Ngọc	Ánh	10/06/2001	Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHSP
41	318041	Lê Thị Ngọc	Ánh	10/05/1993	Bình Dương	2 (A102)	ĐHSP
42	318042		Bing	10/03/1995	Kon Tum	2 (A102)	ĐHSP
43	318043	Bùi Thị	Bình	18/10/1989	Đắk Lắk	2 (A102)	ĐHSP
44	318044	Nguyễn Thanh	Bình	08/06/1988	Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHSP
45	318045	Hoàng Thị	Cảnh	10/03/1998	Quảng Trị	2 (A102)	ĐHSP
46	318046	Đoàn Thị Khánh	Chi	06/11/1989	Hà Tĩnh	2 (A102)	ĐHSP
47	318047	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	01/02/2000	Quảng Nam - Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHSP
48	318048	Đào Thị	Chinh	14/12/1989	Lâm Đồng	2 (A102)	ĐHSP
49	318049	Lê Văn	Chinh	01/06/1981	Quảng Nam	2 (A102)	ĐHSP
50	318050	K' Sor Nga Rơ	Chong	04/08/1997	Kon Tum	2 (A102)	ĐHSP
51	318051	Lương Thị Thủy	Chung	24/04/1981	Thanh Hóa	2 (A102)	ĐHSP
52	318052	Alăng Thị	Công	21/04/1992	Quảng Nam	2 (A102)	ĐHSP
53	318053	Nguyễn Khoa	Đàm	05/07/1997	Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHSP
54	318054	Trần	Dân	01/01/1982	Quảng Nam - Đà Nẵng	2 (A102)	ĐHSP
55	318055	Y	Dáng	30/09/1989	Kon Tum	2 (A102)	ĐHSP
56	318056	Hoàng Anh	Đào	24/09/1996	Quảng Nam	2 (A102)	ĐHSP
57	318057	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	02/10/1986	Quảng Nam	3 (B101)	ĐHSP
58	318058	Phạm Thị Ngọc	Diệp	02/03/1994	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
59	318059	Trần Thị Mỹ	Diệp	04/08/2000	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
60	318060	Hồ Thị Thúy	Diệu	16/04/2000	Quảng Trị	3 (B101)	ĐHSP
61	318061	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	25/06/1999	Quảng Trị	3 (B101)	ĐHSP
62	318062	Lê Văn	Đính	15/03/1981	Nam Định	3 (B101)	ĐHSP
63	318063	Phạm Thị Bích	Dịu	26/02/1992	Hưng Yên	3 (B101)	ĐHSP
64	318064	Hồ Quách Triều	Đồng	19/07/1983	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
65	318065	Đỗ Thị Lộc	Đức	13/10/1991	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
66	318066	Hồ Anh	Đức	28/09/1989	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
67	318067	Nguyễn Trung	Đức	04/05/1995	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
68	318068	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	05/02/2002	Quảng Ngãi	3 (B101)	ĐHSP
69	318069	Nguyễn Thị Thùy	Dung	08/09/2003	Hà Tĩnh	3 (B101)	ĐHSP
70	318070	Phan Mỹ	Dung	10/02/2000	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
71	318071	Thái Thị Mỹ	Dung	10/11/1997	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
72	318072	Nguyễn Việt	Dũng	28/07/2001	Hà Nội	3 (B101)	ĐHSP
73	318073	Lê Thùy	Dương	20/10/1992	Tiền Giang	3 (B101)	ĐHSP
74	318074	Dương Thị Kỳ	Duyên	16/06/2000	Đắk Lắk	3 (B101)	ĐHSP
75	318075	Lương Thị Thùy	Duyên	08/10/1992	Đắk Lắk	3 (B101)	ĐHSP
76	318076	Nguyễn Thị Tú	Duyên	20/12/1999	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
77	318077	Đinh Thị Lệ	Giang	17/05/1996	Quảng Bình	3 (B101)	ĐHSP
78	318078	Hồ Thị Minh	Giang	25/01/1996	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
79	318079	Nguyễn Thị Thùy	Giang	04/04/1985	Bình Phước	3 (B101)	ĐHSP
80	318080	Trần Thị Lệ	Giang	10/06/2000	Quảng Bình	3 (B101)	ĐHSP
81	318081	Huỳnh Thị	Hà	07/12/2000	Đà Nẵng	3 (B101)	ĐHSP
82	318082	Lê Thị	Hà	05/08/1990	Hà Tĩnh	3 (B101)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
83	318083	Lê Thị Hà	06/08/1987	Thanh Hóa	3 (B101)	ĐHSP
84	318084	Nguyễn Thị Hà	20/04/1985	Thái Bình	3 (B101)	ĐHSP
85	318085	Nguyễn Thị Thảo Hà	14/12/1996	Hà Tĩnh	4 (B102)	ĐHSP
86	318086	Nguyễn Thu Hà	07/03/2001	Quảng Nam	4 (B102)	ĐHSP
87	318087	Phan Thị Thu Hà	09/08/1999	Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
88	318088	Nguyễn Trương Vỹ Hạ	02/08/1983	Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
89	318089	Lê Thị Hải	05/03/1989	Quảng Trị	4 (B102)	ĐHSP
90	318090	Nguyễn Thị Ngọc Hải	25/10/1992	Quảng Nam - Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
91	318091	Lê Thị Hằng	24/11/1980	Thanh Hóa	4 (B102)	ĐHSP
92	318092	Nguyễn Thị Hằng	15/10/1987	Ninh Bình	4 (B102)	ĐHSP
93	318093	Nguyễn Thị Hằng	02/12/1997	Thanh Hóa	4 (B102)	ĐHSP
94	318094	Nguyễn Thị Kim Hằng	18/11/1991	Hồ Chí Minh	4 (B102)	ĐHSP
95	318095	Phan Thị Thu Hằng	10/05/1995	Quảng Bình	4 (B102)	ĐHSP
96	318096	Hồ Thị Ngọc Hạnh	08/12/2001	Quảng Nam - Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
97	318097	Lê Thị Hạnh	28/01/1979	Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
98	318098	Nguyễn Thị Kim Hạnh	14/03/1991	Quảng Nam	4 (B102)	ĐHSP
99	318099	Hoàng Thị Hậu	27/12/1984	Kon Tum	4 (B102)	ĐHSP
100	318100	Lê Thị Hiền	16/02/1997	Quảng Nam	4 (B102)	ĐHSP
101	318101	Lê Thị Hải Hiền	16/08/1988	Quảng Nam - Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
102	318102	Ngô Thị Thanh Hiền	22/09/1995	Quảng Nam	4 (B102)	ĐHSP
103	318103	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1995	Quảng Trị	4 (B102)	ĐHSP
104	318104	Nguyễn Thị Diệu Hiền	04/09/1992	Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
105	318105	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/02/1995	Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
106	318106	Trần Trương Diệu Hiền	22/09/2001	Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
107	318107	Trần Đình Hiệp	10/07/1994	Quảng Nam	4 (B102)	ĐHSP
108	318108	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	22/04/2003	Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
109	318109	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	30/10/1997	Quảng Nam - Đà Nẵng	4 (B102)	ĐHSP
110	318110	Võ Duy Hiếu	15/05/1998	Quảng Nam	4 (B102)	ĐHSP
111	318111	Hà Thiên Hồ	15/05/1991	Gia Lai	4 (B102)	ĐHSP
112	318112	Cao Thị Thanh Hoa	12/05/1992	Quảng Bình	4 (B102)	ĐHSP
113	318113	Ngô Thị Hoa	03/10/1996	Nghệ An	5 (B103)	ĐHSP
114	318114	Ngô Thị Hoa	12/03/1990	Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
115	318115	Nguyễn Thị Nhật Hoa	10/08/1997	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
116	318116	Hồ Thị Khánh Hòa	24/05/1998	Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
117	318117	Lê Thị Minh Hòa	02/08/1995	Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
118	318118	Huỳnh Thị Hoàng	20/04/1994	Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
119	318119	Bùi Thị Hồng	03/03/1996	Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
120	318120	Lê Thị Hồng	08/08/1991	Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
121	318121	Nguyễn Thị Huế	03/11/1989	Thái Bình	5 (B103)	ĐHSP
122	318122	Võ Sỹ Hùng	09/06/1999	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
123	318123	Phạm Hưng	30/06/1975	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
124	318124	Đoàn Linh Hương	03/01/1996	Hà Nội	5 (B103)	ĐHSP
125	318125	Nguyễn Thị Hương	14/04/1990	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
126	318126	Phạm Trần Lan Hương	14/07/2001	Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
127	318127	Trần Thị Hương	12/06/1990	Hà Tĩnh	5 (B103)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
128	318128	Trần Thị Lan	Hương	24/09/1991	Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
129	318129	Trần Thị Thu	Hương	20/10/1994	Hà Tĩnh	5 (B103)	ĐHSP
130	318130	Trần Minh	Huy	18/02/1995	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
131	318131	Bùi Thị Thanh	Huyền	18/02/1995	Gia Lai	5 (B103)	ĐHSP
132	318132	Huỳnh Thị	Huyền	12/08/1982	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
133	318133	Thái Thị Thanh	Huyền	15/04/1998	Quảng Trị	5 (B103)	ĐHSP
134	318134	Trần Nhật	Huyền	18/12/2000	Hà Tĩnh	5 (B103)	ĐHSP
135	318135	Đặng Tiến	Khả	03/08/1998	Quảng Ngãi	5 (B103)	ĐHSP
136	318136	Nguyễn Thế	Khôi	07/10/2000	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
137	318137	Đào Ngọc	Khuê	16/06/2000	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
138	318138	Nguyễn Văn	Khuong	01/03/1997	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
139	318139	Huỳnh Thị	Kiều	14/02/1997	Quảng Nam	5 (B103)	ĐHSP
140	318140	Nguyễn Thị Tân	Kim	23/09/1979	Quảng Nam - Đà Nẵng	5 (B103)	ĐHSP
141	318141	Quách Thúy	Lam	29/07/1986	Bạc Liêu	6 (B201)	ĐHSP
142	318142	Mai Thị Kim	Lâm	01/01/1996	Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
143	318143	Nguyễn Hữu	Lâm	15/09/1991	Quảng Nam	6 (B201)	ĐHSP
144	318144	Trần Thanh	Lâm	26/04/1977	Quảng Bình	6 (B201)	ĐHSP
145	318145	Nguyễn Thùy	Lan	21/02/1992	Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
146	318146	Phạm Thị	Lành	01/01/1992	Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
147	318147	Phạm Hoa	Lê	08/05/1980	Hải Dương	6 (B201)	ĐHSP
148	318148	Nguyễn Phan Nhật	Lê	19/11/1995	Quảng Nam - Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
149	318149	Nguyễn Thị Kim	Liên	20/02/1989	Quảng Nam - Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
150	318150	Phan Thị Kim	Liên	18/07/1988	Quảng Nam	6 (B201)	ĐHSP
151	318151	Trương Thị Thanh	Liên	10/02/1996	Quảng Nam	6 (B201)	ĐHSP
152	318152	Trương Thị Thùy	Liên	09/06/1992	Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
153	318153	Ngô Thị Lan	Linh	02/05/1996	Quảng Trị	6 (B201)	ĐHSP
154	318154	Phạm Thị Hoài	Linh	02/09/1986	Quảng Nam - Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
155	318155	Phan Ngọc Mỹ	Linh	22/09/1987	Hồ Chí Minh	6 (B201)	ĐHSP
156	318156	Lê Văn	Lo	28/02/1995	Quảng Nam - Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
157	318157	Lê Thị Phước	Lộc	21/10/1993	Quảng Nam - Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
158	318158	Nguyễn Phú	Lộc	22/09/1993	Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
159	318159	Trần Thị	Lữ	04/07/1982	Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
160	318160	Nguyễn Thị	Lượng	16/02/1989	Nghệ An	6 (B201)	ĐHSP
161	318161	Đặng Thị	Ly	10/11/1996	Quảng Nam	6 (B201)	ĐHSP
162	318162	Nguyễn Thị Cúc	Ly	11/05/1991	Quảng Nam	6 (B201)	ĐHSP
163	318163	Nguyễn Thị Ly	Ly	20/02/2003	Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
164	318164	Phạm Thị	Ly	24/10/1990	Quảng Nam	6 (B201)	ĐHSP
165	318165	Trương Hoàng Thảo	Ly	26/09/2002	Đà Nẵng	6 (B201)	ĐHSP
166	318166	Nguyễn Thị Thu	Lý	06/01/2000	Gia Lai	6 (B201)	ĐHSP
167	318167	Phạm Thị	Lý	03/02/1986	Quảng Ngãi	6 (B201)	ĐHSP
168	318168	Nguyễn Thị Xuân	Mai	10/08/1990	Quảng Nam	7 (C201)	ĐHSP
169	318169	Trần Thị	Mai	19/05/1998	Thái Bình	7 (C201)	ĐHSP
170	318170	Vũ Thị Phương	Mai	01/05/1997	Quảng Nam	7 (C201)	ĐHSP
171	318171	Nguyễn Thị Thanh	Mẫn	24/03/1995	Quảng Ngãi	7 (C201)	ĐHSP
172	318172	Nguyễn Thị	Miên	12/09/1985	Quảng Nam - Đà Nẵng	7 (C201)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
173	318173	Hồ Thị Minh	19/07/2025	Quảng Bình	7 (C201)	ĐHSP
174	318174	Nguyễn Ngọc Minh	12/08/1995	Phú Yên	7 (C201)	ĐHSP
175	318175	Trần Thông Minh	07/11/1993	Hồ Chí Minh	7 (C201)	ĐHSP
176	318176	Hồ Thị Thùy Mộng	07/12/1988	Đà Nẵng	7 (C201)	ĐHSP
177	318177	Phan Thị Quỳnh My	10/04/2002	Gia Lai	7 (C201)	ĐHSP
178	318178	Huỳnh Thị Ly Na	25/11/1994	Quảng Nam	7 (C201)	ĐHSP
179	318179	Nguyễn Thị My Na	21/08/2003	Đà Nẵng	7 (C201)	ĐHSP
180	318180	Phạm Thị Li Na	03/05/1994	Đắk Lắk	7 (C201)	ĐHSP
181	318181	Nga	11/11/1992	Đà Nẵng	7 (C201)	ĐHSP
182	318182	Đặng Thị Quỳnh Nga	04/08/2003	Đà Nẵng	7 (C201)	ĐHSP
183	318183	Lê Thị Nga	29/07/1957	Quảng Bình	7 (C201)	ĐHSP
184	318184	Nguyễn Thị Nga	23/01/1991	Quảng Nam	7 (C201)	ĐHSP
185	318185	Nguyễn Thị Thúy Nga	24/03/1988	Hồ Chí Minh	7 (C201)	ĐHSP
186	318186	Đặng Thị Kim Ngân	06/09/2001	Đà Nẵng	7 (C201)	ĐHSP
187	318187	Đinh Thị Thảo Ngân	07/07/2000	Đà Nẵng	7 (C201)	ĐHSP
188	318188	Lê Thị Kim Ngân	02/07/1999	Quảng Nam	7 (C201)	ĐHSP
189	318189	Nguyễn Thị Minh Ngân	18/04/1989	Thừa Thiên Huế	7 (C201)	ĐHSP
190	318190	Phạm Hồng Tuyết Nghi	25/09/1999	Đà Nẵng	7 (C201)	ĐHSP
191	318191	Văn Thị Nghĩa	14/11/1999	Quảng Nam	7 (C201)	ĐHSP
192	318192	Nguyễn Thị Ngoan	22/01/1992	Lâm Đồng	7 (C201)	ĐHSP
193	318193	Cao Thị Ngọc	27/02/1991	Nghệ An	7 (C201)	ĐHSP
194	318194	Huỳnh Ngọc Ngọc	20/07/1976	Quảng Ngãi	7 (C201)	ĐHSP
195	318195	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	29/09/1998	Quảng Bình	7 (C201)	ĐHSP
196	318196	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/01/1990	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
197	318197	Nguyễn Thị Như Ngọc	13/01/1991	Quảng Bình	8 (D201)	ĐHSP
198	318198	Nguyễn Võ Như Ngọc	09/06/2001	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
199	318199	Phạm Thị Như Ngọc	28/07/1988	Quảng Trị	8 (D201)	ĐHSP
200	318200	Alăng Thị Nư	07/06/1996	Quảng Nam	8 (D201)	ĐHSP
201	318201	Dương Thị Thảo Nguyên	07/04/2000	Quảng Nam	8 (D201)	ĐHSP
202	318202	Nguyễn Minh Nguyên	29/09/2001	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
203	318203	Trần Thị Ngọc Nguyên	27/04/1997	Quảng Nam	8 (D201)	ĐHSP
204	318204	Võ Thị Kim Nguyên	20/10/1995	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
205	318205	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	18/11/1996	Quảng Ngãi	8 (D201)	ĐHSP
206	318206	Nguyễn Trương Xuân Nguyệt	08/02/1995	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
207	318207	Trần Thị Thanh Nhàn	17/02/1996	Quảng Nam	8 (D201)	ĐHSP
208	318208	Đỗ Thành Nhân	20/02/1997	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
209	318209	Đoàn Ngọc Nhân	04/06/1991	Thừa Thiên Huế	8 (D201)	ĐHSP
210	318210	Trần Thị Nhân	25/11/2003	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
211	318211	Lê Thị Kim Nhận	13/07/1993	Quảng Nam	8 (D201)	ĐHSP
212	318212	Nguyễn Thị Nhận	06/06/1990	Thừa Thiên Huế	8 (D201)	ĐHSP
213	318213	Đặng Thị Yến Nhi	05/05/2000	Quảng Nam - Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
214	318214	Dương Thị Yến Nhi	01/01/1999	Quảng Nam	8 (D201)	ĐHSP
215	318215	Hồ Bùi Yến Nhi	29/10/2003	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
216	318216	Lê Thị Yến Nhi	11/05/1995	Hồ Chí Minh	8 (D201)	ĐHSP
217	318217	Nguyễn Thị Nhi	12/12/1997	Quảng Nam	8 (D201)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
218	318218	Trà Bảo Nhi	29/09/2002	Quảng Nam - Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
219	318219	Nguyễn Thị Xuân Nhị	23/12/1995	Quảng Ngãi	8 (D201)	ĐHSP
220	318220	Mai Thị Cẩm Nhung	12/12/1983	Đà Nẵng	8 (D201)	ĐHSP
221	318221	Nguyễn Hồng Nhung	25/01/2001	Quảng Bình	8 (D201)	ĐHSP
222	318222	Huỳnh Thị Ni	11/09/1992	Đắk Lắk	8 (D201)	ĐHSP
223	318223	Phạm Thị Hàn Ni	16/09/2001	Hà Tĩnh	9 (D202)	ĐHSP
224	318224	Đặng Thị Tố Nữ	09/10/2000	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
225	318225	Bùi Thị Xuân Nương	02/11/1996	Quảng Ngãi	9 (D202)	ĐHSP
226	318226	Nguyễn Thị Ly Ny	29/11/1993	Quảng Nam	9 (D202)	ĐHSP
227	318227	Hồ Thị Ngọc Oanh	16/01/1995	Quảng Nam	9 (D202)	ĐHSP
228	318228	Nguyễn Thị Kiều Oanh	08/02/1989	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
229	318229	Nguyễn Quang Phi	04/01/1990	Quảng Nam	9 (D202)	ĐHSP
230	318230	Phan Thị Hồng Phiến	04/07/1993	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
231	318231	Nguyễn Phúc	10/02/1992	Hồ Chí Minh	9 (D202)	ĐHSP
232	318232	Vũ Thị Thiên Phúc	02/09/1999	Quảng Ngãi	9 (D202)	ĐHSP
233	318233	Bùi Bình Phương	18/10/2002	Quảng Bình	9 (D202)	ĐHSP
234	318234	Đặng Thu Phương	22/05/2000	Gia Lai	9 (D202)	ĐHSP
235	318235	Đào Thị Hoài Phương	17/06/1997	Kon Tum	9 (D202)	ĐHSP
236	318236	Huỳnh Thị Trúc Phương	24/02/1991	Hồ Chí Minh	9 (D202)	ĐHSP
237	318237	Nguyễn Thị Thu Phương	05/10/1999	Quảng Bình	9 (D202)	ĐHSP
238	318238	Phạm Thị Minh Phương	03/01/1990	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
239	318239	Phan Thị Phương	12/07/2001	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
240	318240	Phan Thị Kim Phương	18/02/2000	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
241	318241	Trần Thị Phương	02/03/1984	Quảng Nam	9 (D202)	ĐHSP
242	318242	Trần Yến Phương	14/02/1995	Vĩnh Long	9 (D202)	ĐHSP
243	318243	Nguyễn Thị Phượng	01/03/1994	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
244	318244	Trần Thị Phượng	30/05/1993	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
245	318245	Huỳnh Công Quang	19/04/1999	Thừa Thiên Huế	9 (D202)	ĐHSP
246	318246	Võ Văn Quốc	28/12/1999	Quảng Ngãi	9 (D202)	ĐHSP
247	318247	Lê Thị Hồng Quyên	10/04/1992	Bình Dương	9 (D202)	ĐHSP
248	318248	Nguyễn Diễm Quyên	06/10/2001	Đà Nẵng	9 (D202)	ĐHSP
249	318249	Nguyễn Thị Hồng Quyên	04/01/2000	Quảng Nam	9 (D202)	ĐHSP
250	318250	Nguyễn Thị Quỳnh Quyên	10/10/1981	Quảng Ngãi	10 (A301)	ĐHSP
251	318251	Đinh Thị Diễm Quỳnh	22/01/2003	Gia Lai	10 (A301)	ĐHSP
252	318252	Tôn Nữ Phi Quỳnh	08/03/1990	Thừa Thiên Huế	10 (A301)	ĐHSP
253	318253	Vương Như Quỳnh	27/08/2001	Nghệ An	10 (A301)	ĐHSP
254	318254	Lê Hồng Sa	01/03/1984	Quảng Nam - Đà Nẵng	10 (A301)	ĐHSP
255	318255	Võ Thị Sang	10/02/1985	Quảng Ngãi	10 (A301)	ĐHSP
256	318256	Hà Thị Sáng	07/07/1984	Thanh Hóa	10 (A301)	ĐHSP
257	318257	Phan Thị Kim Sinh	17/11/1995	Quảng Nam	10 (A301)	ĐHSP
258	318258	Bùi Hoàng Sơn	11/03/1984	Hồ Chí Minh	10 (A301)	ĐHSP
259	318259	Nguyễn Thái Sơn	25/01/1998	Hà Tĩnh	10 (A301)	ĐHSP
260	318260	Nguyễn Thị Kim Sương	14/08/1991	Quảng Ngãi	10 (A301)	ĐHSP
261	318261	Nguyễn Thị Mai Sương	21/11/1993	Đà Nẵng	10 (A301)	ĐHSP
262	318262	Phạm Thị Tuyết Sương	15/02/1991	Quảng Nam	10 (A301)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
263	318263	Trần Thị Sương	03/07/1993	Quảng Nam	10 (A301)	ĐHSP
264	318264	Đinh Hữu Tài	30/12/1993	Gia Lai	10 (A301)	ĐHSP
265	318265	Nguyễn Thị Bằng Tâm	26/06/2002	Hà Tĩnh	10 (A301)	ĐHSP
266	318266	Phan Đặng Tịnh Tâm	24/06/1997	Đà Nẵng	10 (A301)	ĐHSP
267	318267	Trần Lê Thanh Thái	22/03/2003	Đà Nẵng	10 (A301)	ĐHSP
268	318268	Trần Thị Hoài Thân	13/06/1992	Quảng Trị	10 (A301)	ĐHSP
269	318269	Nguyễn Trọng Thắng	27/03/1991	Đà Nẵng	10 (A301)	ĐHSP
270	318270	Đào Thị Phương Thanh	22/08/1983	Thái Bình	10 (A301)	ĐHSP
271	318271	Nguyễn Trần Thanh	26/01/1998	Quảng Nam	10 (A301)	ĐHSP
272	318272	Trương Công Thành	26/09/1991	Đà Nẵng	10 (A301)	ĐHSP
273	318273	Lê Phước Thạnh	20/02/1985	Quảng Trị	10 (A301)	ĐHSP
274	318274	Đào Thị Bích Thảo	02/04/1989	Tây Ninh	10 (A301)	ĐHSP
275	318275	Hồ Thị Thu Thảo	28/05/2001	Đà Nẵng	10 (A301)	ĐHSP
276	318276	Lê Trần Phương Thảo	28/06/2001	Quảng Nam	10 (A301)	ĐHSP
277	318277	Nguyễn Thị Vũ Thảo	22/02/1994	Quảng Nam	10 (A301)	ĐHSP
278	318278	Trần Thị Thu Thảo	29/11/1994	Quảng Nam	11 (A302)	ĐHSP
279	318279	Đỗ Ân Thi	10/06/1996	Đà Nẵng	11 (A302)	ĐHSP
280	318280	Phan Thanh Hà Thi	28/04/1999	Đà Nẵng	11 (A302)	ĐHSP
281	318281	Nguyễn Thị Thoa	10/09/1982	Hà Nam	11 (A302)	ĐHSP
282	318282	Nguyễn Thị Mai Thu	28/06/1991	Hà Tĩnh	11 (A302)	ĐHSP
283	318283	Nguyễn Thị Thanh Thu	16/02/1996	Quảng Nam	11 (A302)	ĐHSP
284	318284	Lê Thị Hiền Thư	22/09/2000	Đà Nẵng	11 (A302)	ĐHSP
285	318285	Nguyễn Quốc Anh Thư	05/11/1986	Hồ Chí Minh	11 (A302)	ĐHSP
286	318286	Phạm Thị Anh Thư	21/12/1999	Quảng Nam	11 (A302)	ĐHSP
287	318287	Đỗ Thiện Thuần	04/09/2000	Quảng Ngãi	11 (A302)	ĐHSP
288	318288	Nguyễn Thị Kim Thuận	21/05/1992	Quảng Ngãi	11 (A302)	ĐHSP
289	318289	Hồ Thị Hoài Thương	26/04/2000	Quảng Nam	11 (A302)	ĐHSP
290	318290	Dương Thị Hồng Thúy	02/09/1985	Lâm Đồng	11 (A302)	ĐHSP
291	318291	Nguyễn Thị Thúy	20/09/1976	Hồ Chí Minh	11 (A302)	ĐHSP
292	318292	Nguyễn Thị Ánh Thúy	02/03/1991	Quảng Ngãi	11 (A302)	ĐHSP
293	318293	Phan Thị Diễm Thúy	01/04/1997	Thừa Thiên Huế	11 (A302)	ĐHSP
294	318294	Đỗ Thị Minh Thùy	28/09/1997	Quảng Ngãi	11 (A302)	ĐHSP
295	318295	Lê Thị Thu Thủy	02/11/1992	Bình Dương	11 (A302)	ĐHSP
296	318296	Nguyễn Thị Thanh Thủy	20/09/1985	Đà Nẵng	11 (A302)	ĐHSP
297	318297	Trần Thị Bích Thủy	21/05/1994	Quảng Nam	11 (A302)	ĐHSP
298	318298	Trần Thị Thu Thủy	09/02/1994	Đà Nẵng	11 (A302)	ĐHSP
299	318299	Trần Thu Thủy	09/03/2001	Hồ Chí Minh	11 (A302)	ĐHSP
300	318300	Nguyễn Quỳnh Thy	28/10/2000	Quảng Nam	11 (A302)	ĐHSP
301	318301	Đỗ Thị Tiên	27/09/1996	Quảng Nam	11 (A302)	ĐHSP
302	318302	Lê Thị Thủy Tiên	10/07/2003	Quảng Trị	11 (A302)	ĐHSP
303	318303	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	31/08/1996	Hồ Chí Minh	11 (A302)	ĐHSP
304	318304	Nguyễn Thị Thủy Tiên	02/09/2001	Quảng Nam	11 (A302)	ĐHSP
305	318305	Y Tình	16/02/1999	Kon Tum	12 (D301)	ĐHSP
306	318306	Dương Thị Tình	18/08/1993	Quảng Nam	12 (D301)	ĐHSP
307	318307	Hoàng Thị Tình	22/02/1999	Quảng Bình	12 (D301)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
308	318308	Nguyễn Thị Tình	20/10/1988	Hà Tĩnh	12 (D301)	ĐHSP
309	318309	Nguyễn Thị Hồng	10/04/1991	Hà Tĩnh	12 (D301)	ĐHSP
310	318310	Lương Vĩnh Toàn	09/08/1998	Đà Nẵng	12 (D301)	ĐHSP
311	318311	Phan Thị Trà	02/03/1993	Quảng Nam	12 (D301)	ĐHSP
312	318312	Lê Thị Bích Trâm	22/10/1979	Đà Nẵng	12 (D301)	ĐHSP
313	318313	Nguyễn Mai Mộng Trâm	05/02/1998	Đà Nẵng	12 (D301)	ĐHSP
314	318314	Nguyễn Thị Thùy Trâm	20/06/1982	Quảng Nam	12 (D301)	ĐHSP
315	318315	Trần Hoàng Ngọc Trâm	07/07/1980	Hồ Chí Minh	12 (D301)	ĐHSP
316	318316	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	18/10/2000	Đà Nẵng	12 (D301)	ĐHSP
317	318317	Huỳnh Thị Minh Trang	18/01/2001	Đà Nẵng	12 (D301)	ĐHSP
318	318318	Lê Thị Trang	28/05/1993	Thanh Hóa	12 (D301)	ĐHSP
319	318319	Lê Thị Thu Trang	14/01/1992	Thừa Thiên Huế	12 (D301)	ĐHSP
320	318320	Trần Nguyễn Thị Kiều Trang	22/11/2000	Quảng Nam	12 (D301)	ĐHSP
321	318321	Trần Nguyễn Thùy Trang	26/05/2000	Đà Nẵng	12 (D301)	ĐHSP
322	318322	Trần Thị Thu Trang	25/04/1984	Đà Nẵng	12 (D301)	ĐHSP
323	318323	Đặng Quang Trí	16/06/1983	Quảng Ngãi	12 (D301)	ĐHSP
324	318324	Châu Thị Việt Trinh	29/08/1992	Quảng Nam	12 (D301)	ĐHSP
325	318325	Lê Thị Trinh	10/06/1991	Quảng Nam	12 (D301)	ĐHSP
326	318326	Nguyễn Khánh Trinh	01/04/2002	Quảng Trị	12 (D301)	ĐHSP
327	318327	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	27/06/2001	Đà Nẵng	12 (D301)	ĐHSP
328	318328	Phan Thị Tuyết Trinh	19/07/1996	Quảng Nam	12 (D301)	ĐHSP
329	318329	Trần Thị Thanh Trinh	22/10/2002	Quảng Nam	12 (D301)	ĐHSP
330	318330	Phạm Thị Nhã Trúc	28/10/2000	Gia Lai	12 (D301)	ĐHSP
331	318331	Hoàng Thị Thanh Tú	19/09/1996	Quảng Trị	12 (D301)	ĐHSP
332	318332	Nguyễn Thanh Tú	22/08/2001	Quảng Bình	13 (D302)	ĐHSP
333	318333	Nguyễn Thanh Tuyền	20/11/2003	Bình Định	13 (D302)	ĐHSP
334	318334	Dương Thị Thu Tuyền	12/11/1994	Hồ Chí Minh	13 (D302)	ĐHSP
335	318335	Trương Thanh Tuyền	28/09/2002	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
336	318336	Hoàng Thị Ánh Tuyết	12/07/1993	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
337	318337	Nguyễn Thị Tuyết	04/03/1989	Thanh Hóa	13 (D302)	ĐHSP
338	318338	Trần Thị Tuyết	26/07/1988	Quảng Nam	13 (D302)	ĐHSP
339	318339	Phạm Hoàng Phương Uyên	14/01/1996	Thừa Thiên Huế	13 (D302)	ĐHSP
340	318340	Lê Thị Vân	15/02/1997	Quảng Nam - Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
341	318341	Nguyễn Thị Vân	06/09/1994	Quảng Nam	13 (D302)	ĐHSP
342	318342	Trà Thị Thanh Vân	03/03/1983	Quảng Nam	13 (D302)	ĐHSP
343	318343	Võ Thị Huyền Vi	18/06/1996	Quảng Nam	13 (D302)	ĐHSP
344	318344	Thiều Văn Viên	04/05/1994	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
345	318345	Phạm Quốc Việt	26/12/1991	Lâm Đồng	13 (D302)	ĐHSP
346	318346	Phan Quốc Việt	02/09/1985	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
347	318347	Trần Thị Việt	26/09/1989	Nghệ An	13 (D302)	ĐHSP
348	318348	Trần Mậu Vĩnh	01/01/1979	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
349	318349	Bùi Nhật Vy	18/06/2000	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
350	318350	Đỗ Hoàng Tường Vy	15/04/1998	Quảng Nam - Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
351	318351	Huỳnh Ngọc Khánh Vy	14/11/1995	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
352	318352	Nguyễn Thúy Vy	20/03/2000	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng	Thí sinh của Trường
353	318353	Phan Bảo Vy	20/10/1991	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
354	318354	Dương Phú Tuấn	22/03/1983	Quảng Nam	13 (D302)	ĐHSP
355	318355	Triệu Thị Kim	06/04/1995	Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
356	318356	Lê Thị Ý	18/04/1993	Quảng Nam - Đà Nẵng	13 (D302)	ĐHSP
357	318357	Đậu Thị Yên	17/05/2021	Hà Tĩnh	13 (D302)	ĐHSP
358	318358	Nguyễn Thị Ngọc Yên	24/07/1992	Hồ Chí Minh	13 (D302)	ĐHSP

Danh sách có 358 thí sinh./.

Lưu ý: Định chính thông tin của thí sinh: Trong trường hợp phát hiện thông tin bị thiếu/sai sót, thí sinh báo cho cán bộ coi thi và thực hiện việc bổ sung/điều chỉnh các sai sót về thông tin dự thi tại phòng thi. Sau khi công bố kết quả thi, các đề nghị điều chỉnh thông tin của thí sinh sẽ không được chấp nhận.

